

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Hà Tĩnh và Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn 03, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 03, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Cháu Trần Thị Cát T, sinh ngày 09/11/2004;

3.2 Cháu Trần Đại Gia B, sinh ngày 26/07/2011;

Cùng nơi cư trú: Thôn 03, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh H1(có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt); Vắng mặt cháu T và cháu B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc H1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến ngày 20/3/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì vợ chồng xây nhà riêng và sống chung với nhau tại xã G, huyện T. Đầu năm 2020 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, do kinh tế gia đình khó khăn, anh H1 thường hay nhậu nhẹt, chửi bới, đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị H dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị H khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không muốn sống đoàn tụ với anh H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 người con chung tên Trần Thị Cát T, sinh ngày 09/11/2004 và Trần Đại Gia B, sinh ngày 26/7/2011. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Đại Gia B cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con; Đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thị Cát T cho anh H1 được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quốc H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác nhận lời khai của chị H là đúng, đồng thời thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, do kinh tế gia đình khó khăn, anh H1 thường hay nhậu nhẹt, chơi bời nhưng mâu thuẫn chưa đến mức như chị H trình bày. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì anh H1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Về con chung: Anh H1 thống nhất lời khai của chị H và đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thị Cát T cho anh nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; Đề nghị Tòa án giao cháu Trần Đại Gia B cho chị H nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 xác định là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Cát T và cháu Trần Đại Gia B trình bày:

Cháu Trần Thị Cát T, và cháu Trần Đại Gia B là con chung của anh H1 và chị H. Quá trình sống với cha mẹ thì cháu T và cháu B chứng kiến việc cha mẹ mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, cha mẹ hiện nay đã sống ly thân. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được sống với cha để thuận lợi cho việc học tập còn cháu B thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh với đại diện thôn 03, xã G, huyện T xác định: Vợ chồng chị H và anh H1 là cư dân sinh sống tại địa phương nhưng hiện nay đã chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, buôn bán nhưng vẫn thường xuyên về địa phương. Trong cuộc sống thường ngày anh H1 và chị H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau.

Tòa án đã mở phiên hòa giải lần thứ nhất vào ngày 03/11/2020 để các đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đồng thời có đơn đề nghị ly hôn, từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, sau đó chị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Đại Gia B cho đến khi thành niên, giao cháu Trần Thị Cát T cho anh H1 được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên; Nguyên đơn và bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi con; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 03, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đồng thời có đơn đề nghị từ chối hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị H và anh H1 đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã không còn nên mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, chị H yêu cầu ly hôn, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc H1 có 02 người con chung tên Trần Thị Cát T, sinh ngày 09/11/2004 và Trần Đại Gia B, sinh ngày 26/7/2011. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Đại Gia B cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời đề nghị giao cho anh H1 được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị Cát T cho đến khi thành niên và chị H phải cấp dưỡng nuôi con; Mặt khác, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với anh H1 để thuận lợi hơn trong việc học tập còn cháu B thì có nguyện vọng được sống với chị H, do đó yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Quốc H1.

2. Về quyền nuôi con:

2.1 Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Đại Gia B, sinh ngày 26/7/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh Trần Quốc H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H.

2.2 Giao cho anh Trần Quốc H1 được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thị Cát T, sinh ngày 09/11/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi; Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Quốc H1.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0004327 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Các đương sự có quyền kháng cáo

bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình